

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng M; địa chỉ: Số 49/6 đường số 18D, khu phố X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Hoài N, là Luật sư văn phòng luật sư N, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: 353 đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C, địa chỉ: Tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh C và chị M có mặt; Luật sư N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-01-2018, biên bản đối chất ngày 04-5-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn C sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04-02-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ số 49/6, đường số 18D, khu phố X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 24-4-2017, anh C bỗng dưng bỏ chị và 02 con về nhà cha mẹ đẻ ở Tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống mà không có bất kỳ lý do gì và cũng không trao đổi, bàn bạc với chị. Từ khi bỏ nhà đi đến nay, anh C hoàn toàn không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào đối với vợ và con. Mặc dù chị đã cố gắng liên lạc để tìm hiểu lý do nhưng anh C không giải thích và cũng không trở về sinh sống. Nay, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Lê Văn C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn C có 02 con chung là Lê Phạm Bảo H, sinh ngày 29-3-2011 và Lê Phạm Bảo K, sinh ngày 16-6-2016. Hiện nay chị đang gửi cháu H cho ông bà ngoại ở Quảng Nam, còn cháu K đang ở với chị tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, nhưng do anh C trình bày tại phiên tòa là anh đang bị bệnh và chưa có việc làm ổn định nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh C có các tài sản chung gồm: Nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 49/6 đường số 18D, khu phố X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; số tiền tiết kiệm của vợ chồng gửi tại Ngân hàng S, Phòng giao dịch G là 2.050.000.000đồng (số tiền này khi bỏ nhà đi anh Lê Văn C đã tự rút toàn bộ) và số tiền mặt là 100.000.000đồng anh C đang giữ. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trên theo tỷ lệ mỗi người được hưởng 50%. Do hiện nay chị đang nuôi con nhỏ nên đề nghị được giao sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 49/6 đường số 18D, khu phố X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để ở, chị sẽ thôi trả giá trị phần chênh lệch cho anh C sau khi đã khấu trừ số tiền 1.025.000.000đồng lẽ ra chị được nhận nhưng anh C đã lấy đi. Ngày 10-10-2018 chị Phạm Thị Hồng M rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 08-02-2018, biên bản đối chất ngày 04-5-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Hồng M sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04-02-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 5 năm 2016, anh bị bệnh mất ngủ, chữa trị không bớt, sau đó bị thêm bệnh thoát vị đĩa đệm. Bác sỹ khuyên anh phải đi đâu nghỉ ngơi một thời gian nên anh có bàn bạc với chị M về Quảng Ngãi sinh sống nhưng chị M không đồng ý. Vì vậy, tháng 4-2017 anh bỏ về quê ở Quảng Ngãi sinh sống và chữa bệnh, khi nào khỏi bệnh thì anh sẽ vào Thành phố Hồ Chí Minh sống với vợ con. Lý do anh không liên lạc với vợ con vì anh nghe người khác nói vợ anh có những lời nói không đúng với anh. Hiện nay anh vẫn còn tình cảm

với chị M và mâu thuẫn của vợ chồng cũng không có gì trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị Hồng M có 02 con chung là Lê Phạm Bảo H, sinh ngày 29-3-2011 và Lê Phạm Bảo K, sinh ngày 16-6-2016. Hiện nay cháu H đang sống cùng ông, bà ngoại ở Quảng Nam, còn cháu K đang sống với chị M tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Lê Phạm Bảo H. Nếu chị M đồng ý giao 02 con cho anh nuôi thì anh cũng đồng ý, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao con cho chị M nuôi thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay anh đang bị bệnh, chưa có việc làm ổn định.

Về tài sản chung: Anh và chị M sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh có nợ của cha anh là ông Lê Văn M1 30 cây vàng 4 số 9 và nợ của em gái anh là Lê Thị L 100.000.000đồng. Tuy nhiên, cha và em của anh không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên anh thống nhất, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chưa đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 76 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Phạm Thị Hồng M và anh Lê Văn C chưa đến mức trầm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng M về việc xin ly hôn anh Lê Văn C. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Hồng M đối với anh Lê Văn C nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Chị Phạm Thị Hồng M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm chị Phạm Thị Hồng M khởi kiện thì anh Lê Văn C đang cư trú tại tổ 03, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia

tài sản khi ly hôn” giữa nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng M và bị đơn anh Lê Văn C là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, nhưng nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng M trình bày rút yêu cầu nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị và yêu cầu Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Hồng M và anh Lê Văn C đã tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04-02-2009 và đã được Ủy ban nhân dân phường N cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị M và anh C. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Hồng M và anh Lê Văn C là hợp pháp.

Theo trình bày của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng M thì từ tháng 4-2017 anh C bỏ chị và 02 con về nhà cha mẹ đẻ ở Tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống mà không có bất kỳ lý do gì và cũng không trao đổi, bàn bạc với chị. Từ khi bỏ nhà đi đến nay, anh C hoàn toàn không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào đối với vợ và con. Mặc dù chị đã cố gắng liên lạc để tìm hiểu lý do nhưng anh C không giải thích và cũng không trở về sống với chị và 02 con. Nay, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Lê Văn C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn C thừa nhận đã bỏ nhà về Quảng Ngãi sống từ tháng 4-2017 đến nay, nhưng lý do anh về Quảng Ngãi sống là để chữa bệnh mắt ngủ và thoát vị đĩa đệm. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn chị M.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng M, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn C cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, nhưng qua việc anh C bỏ chị M và 02 con ở Thành phố Hồ Chí Minh để về Quảng Ngãi sống từ tháng 4-2017 đến nay mà không có sự bàn bạc, thỏa thuận với chị M chứng tỏ giữa vợ chồng chị M, anh C có xảy ra mâu thuẫn. Theo chị M trình bày thì chị đã nhiều lần yêu cầu anh C về sống với mẹ con chị nhưng anh C vẫn không đồng ý. Tại phiên tòa, anh C cũng không xác định được khi nào sẽ vào Thành phố Hồ Chí Minh sống cùng với vợ con. Việc anh C không có sự bàn bạc, thỏa thuận với chị M nhưng đã tự ý về Quảng Ngãi và sống ly thân thân với chị M từ tháng 4-2017 đến nay là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị M xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C và cương quyết xin ly hôn.

Xét thấy việc chị Phạm Thị Hồng M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lê Văn C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào trình bày của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Chị Phạm Thị Hồng M và anh Lê Văn C có 02 con chung là Lê Phạm Bảo H, sinh ngày 29-3-2011 và Lê Phạm Bảo K, sinh ngày 16-6-2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M yêu cầu giao 02 con cho chị nuôi dưỡng; anh C yêu cầu giao cho anh nuôi dưỡng 01 con là cháu Lê Phạm Bảo H, trường hợp chị M đồng ý giao 02 con cho anh nuôi thì anh cũng đồng ý. Xét yêu cầu về nuôi con của chị M và anh C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi anh Lê Văn C về Quảng Ngãi sống đến nay, chị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con, sau đó gửi cháu Lê Phạm Bảo H cho cha mẹ đẻ của chị chăm sóc. Từ đó đến nay, anh Lê Văn C cũng không thăm nom các con. Hiện nay cháu Lê Phạm Bảo K dưới 3 tuổi và đang sống cùng với mẹ, cháu Lê Phạm Bảo H đang sống, học tập tại thành phố H, tỉnh Quảng Nam, được ông bà ngoại trực tiếp chăm sóc và cháu H trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Tại phiên tòa, chị M trình bày chị đang sắp xếp công việc để về Quảng Nam sống với cháu H nên tạm thời gửi cháu H cho ông bà ngoại chăm sóc. Do đó, để ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu H và cháu K, căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Lê Phạm Bảo H và Lê Phạm Bảo K cho chị Phạm Thị Hồng M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh Lê Văn C cho rằng hiện nay anh đang bị bệnh và chưa có việc làm ổn định nên không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; chị Phạm Thị Hồng M yêu cầu anh Lê Văn C cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi con mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, nhưng nếu anh C không đồng ý cấp dưỡng thì chị cũng không yêu cầu Tòa án buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị M là người được giao trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và việc chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị Phạm Thị Hồng M yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng, gồm: Nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ 49/6 đường số 18D, khu phố X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; số tiền 2.150.000.000đồng anh C đang giữ. Tuy nhiên, tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 10-10-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phạm Thị Hồng M rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung. Việc chị M rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của chị Phạm Thị Hồng M. Chị Phạm Thị Hồng M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị Hồng M trình bày vợ chồng không có nợ chung; anh Lê Văn C trình bày vợ chồng có nợ của ông Lê Văn M1 (cha đẻ của anh C) 30 cây vàng 4 số 9 và nợ của chị Lê Thị L (em

của anh C) 100.000.000đồng. Tòa án đã triệu tập ông M1 và chị L để làm việc về các khoản nợ trên nhưng ông M1 và chị L có văn bản trình bày không khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị M, anh C trả số nợ trên trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí:

Chị Phạm Thị Hồng M phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Số tiền 28.425.000đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí chị M phải chịu. Hoàn trả lại cho chị M số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 28.125.000đồng.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 235, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng M được ly hôn anh Lê Văn C.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Hồng M và anh Lê Văn C có 02 con chung là Lê Phạm Bảo H, sinh ngày 29-3-2011 và Lê Phạm Bảo K, sinh ngày 16-6-2016. Giao 02 con chung là Lê Phạm Bảo H và Lê Phạm Bảo K cho chị Phạm Thị Hồng M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lê Văn C không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của chị Phạm Thị Hồng M. Chị Phạm Thị Hồng M có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

4. Về nợ chung: Đối với các khoản nợ mà anh Lê Văn C đã trình bày, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Khi nào có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 28.425.000đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002016 ngày 30-01-2018. Hoàn

trả lại cho chị Phạm Thị Hồng M số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 28.125.000đồng (hai mươi tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng M và bị đơn anh Lê Văn C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường Nghĩa Lộ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong